

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

Question 1. A. keen                      B. wheel                      C. cheer                      D. knee

A. keen /ki:n/

B. wheel /wi:l/

C. cheer /tʃiə(r)/

D. knee /ni:/

Đáp án đúng: C. cheer vì phần gạch chân có âm /iə/, các từ còn lại có âm /i:/

Question 2. A. tear                      B. appear                      C. theater                      D. shear

A. tear /teə/ (nước mắt) hoặc /tɛə/ (xé)

B. appear /ə'piə/

C. theater /'θiətə(r)/

D. shear /ʃiə(r)/

Đáp án đúng: A. tear vì phần gạch chân có âm /eə/, các từ còn lại có âm /iə/

Liên hệ mua chính chủ ở 2 Zalo T. Phương 0327809217 và N.Vân 0905479734

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

Question 3. A. limit                      B. protect                      C. reverse                      D. allow

Đáp án đúng: A. limit có trọng âm vào âm đầu, còn lại là trọng âm rơi vào âm thứ hai.

Question 4. A. obey                      B. allow                      C. suffer                      D. promote

Đáp án đúng: C. suffer có trọng âm vào âm đầu, còn lại là trọng âm rơi vào âm thứ hai.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 5. The festival \_\_\_\_\_ at 8:30 AM.

A. is starting

B. start

C. to start

D. starts

→ D. starts

Thì hiện tại đơn diễn tả thời gian biểu cố định.

Question 6. \_\_\_\_\_ energy is produced by collecting sunlight and converting it into electricity.

A. Solar

B. Wind

C. Hydro

D. Nuclear

→ A. Solar

Solar energy = năng lượng mặt trời.

Question 7. \_\_\_\_\_ the boys perform lion dances at the festival tomorrow?

A. Are

B. Do

C. Did

D. Will

Tomorrow → thì tương lai → dùng "Will".

Đáp án: D. Will

**Question 8.** At Tet, celebrations begin with the family \_\_\_\_\_ dinner in the last evening of a lunar year.

- A. dancing                      **B. gathering**                      C. floating                      D. rolling

“gathering dinner” = bữa ăn sum họp gia đình.

Đáp án: **B. gathering**

**Question 9.** \_\_\_\_\_ girl sitting next to me is \_\_\_\_\_ American.

- A. The/ An**                      B. The/ A                      C. A/ An                      D. A/ X

→ “The girl” xác định, “an American” (bắt đầu bằng nguyên âm /ə'merikən/).

Đáp án: A

**Question 10.** The government is trying to \_\_\_\_\_ the problem of shortage of accommodation.

- A. finish                      B. help                      C. explain                      **D. solve**

→ Giải quyết vấn đề: **solve**.

Đáp án: D

**Question 11.** My father \_\_\_\_\_ an electric car next month.

- A. bought                      B. buys                      C. is buying                      **D. will buy**

Next month → tương lai → will buy.

Đáp án: D

**Question 12.** Tom: “Will we be able to travel to other planets for holidays?” Linh: “\_\_\_\_\_”

- A. We certainly will**  
B. I don't think it is polluting.  
C. It is such a green planet  
D. It is such a red planet.

Câu hỏi yes/no → “We certainly will” (đồng ý chắc chắn).

Đáp án: A

**Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 13 to 16.**

### SPACE EXPLORATION EXHIBITION

The Science Center is (13) \_\_\_\_\_ to host an exciting Space Exploration Exhibition this Saturday morning.

Details include:

- The exhibition will (14) \_\_\_\_\_ at the city museum.
- Visitors will learn about the history of space travel and (15) \_\_\_\_\_ interactive activities.
- Tickets are free but must be booked (16) \_\_\_\_\_ advance.

**Question 13.** A. excite                      B. exciting                      **C. excited**                      D. excitement

→ Đáp án: C. excited → tính từ chỉ cảm xúc của chủ thể “The Science Center is excited to host...”

**Question 14.** A. happen                      B. make                      C. held                      **D. take place**

→ Đáp án: D. take place → cụm từ chính xác để nói “được tổ chức tại”.

**Question 15.** **A. enjoy**                      B. perform                      C. participate                      D. join

→ Đáp án: A. enjoy → “thưởng thức/trải nghiệm” → phù hợp với “interactive activities”.

**Question 16.** A. on                      **B. in**                      C. at                      D. for

Thành ngữ cố định: in advance = “trước” (thời gian).

→ Đáp án: B

**Tạm dịch bài đọc**

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions 17.

In the future, education will change dramatically. \_\_\_\_\_.

- a. Students will be able to attend virtual classes from anywhere in the world.
- b. New learning tools will make lessons more interactive and engaging.
- c. Teachers will guide students to develop critical thinking and creativity.

A. b-c-a

B. c-a-b

C. a-c-b

D. a-b-c

Mở đầu hợp lý: a (nói về học sinh có thể học từ xa → ý chung).

Sau đó: b (nói công cụ mới giúp bài học thú vị).

Cuối: c (vai trò của giáo viên).

→ Thứ tự: a-b-c

Đáp án: D

**Question 18.** Choose the sentence that can end the text (in question 17) most appropriately:

A. Online learning will completely replace traditional schools.

B. However, technology might not be affordable for all students.

C. To sum up, education will become more flexible and accessible to everyone.

D. In the future, people might not need to learn as much as today.

→ Đáp án: C → tổng kết, hợp mạch. Câu kết hợp lý cho đoạn nói về tương lai giáo dục với nhiều tiện ích, mang ý tổng kết tích cực:

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each numbered blank from 19 to 24.

I'm here at Noi Bai Airport to tell you about this amazing flying car. It just (19) \_\_\_\_\_ here at the airport 15 minutes ago.

So this (20) \_\_\_\_\_ is called TF-X™. It was designed in 2013. But it will take a couple of years before you can own yours. It's a kind of driverless car and airplane. It has many benefits. With (21) \_\_\_\_\_ automated system, the car avoids traffic. It drives at 300 kph – impressive, isn't it? It has four seats, so your family or friends can (22) \_\_\_\_\_ the ride. The coolest thing is learning to drive a TF - X™ is simple: you'll (23) \_\_\_\_\_ able to do it just after (24) \_\_\_\_\_ hours!

**Question 19.** A. landed

B. landing

C. was landing

D. is landing

→ thì quá khứ đơn vì có "15 minutes ago".

Đáp án đúng: A. landed

**Question 20.** A. toy

B. seat

C. system

D. vehicle

→ cần danh từ chỉ phương tiện → vehicle phù hợp nhất.

Đáp án: D. vehicle

**Question 21.** A. their

B. its

C. her

D. his

→ hệ thống này thuộc về chính chiếc xe → sở hữu cách cho vật → its.

Đáp án: B. its

**Question 22.** A. go

B. come

C. join

D. buy

→ tham gia chuyên đi → join.

Đáp án: C. join

**Question 23.** A. is

B. was

C. be

D. were

→ cấu trúc "will be able to" → cần be.

Đáp án: C. be

**Question 24.** A. a fewer

B. a little

C. a much

D. a few

→ số giờ đếm được → “a few hours” (một vài giờ).

Đáp án: D. a few

### Tạm dịch bài đọc

Tôi đang có mặt tại sân bay Nội Bài để kể cho bạn về chiếc ô tô bay tuyệt vời này. Nó vừa hạ cánh xuống sân bay cách đây 15 phút.

Chiếc xe này được gọi là TF-XTM. Nó được thiết kế vào năm 2013, nhưng sẽ mất vài năm nữa trước khi bạn có thể sở hữu cho mình một chiếc. Đây là một loại ô tô và máy bay không người lái. Nó có nhiều lợi ích. Với hệ thống tự động hóa của mình, chiếc xe tránh được tắc đường. Nó chạy với tốc độ 300 km/h – ấn tượng, phải không? Nó có bốn chỗ ngồi, vì vậy gia đình hoặc bạn bè bạn có thể tham gia chuyến đi. Điều tuyệt nhất là việc học lái một chiếc TF-XTM rất đơn giản: bạn sẽ có thể làm được điều đó chỉ sau vài giờ!

**Liên hệ mua chính chủ ở 2 Zalo T. Phuong 0327809217 và N.Vân 0905479734**

**Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.**

**Question 25.** *We should turn off the lights to save energy when leaving a room.*

- A. Energy is not saved by turning off the lights when leaving the room.
- B. We should turn the lights on when leaving to avoid using energy wastefully.
- C. People waste energy if they turn off the lights when leaving the room.
- D. Turning off the lights saves energy, so we should do it when leaving a room.**

Cấu trúc: should + V (lời khuyên) + mục đích (to save energy) + trạng từ chỉ thời điểm (when leaving a room).

Khi tìm câu gần nghĩa, ta cần một câu vẫn giữ lời khuyên và mối quan hệ nguyên nhân-kết quả: hành động → lợi ích.

D giữ nguyên cấu trúc nhân quả: Turning off the lights saves energy, so we should do it when leaving a room. → Đáp án: D

Các lựa chọn khác hoặc phủ định sai (A, C) hoặc đảo nghĩa (B).

**Question 26.** *Solar energy is better than fossil fuels because it is renewable.*

- A. Fossil fuels are not as good as solar energy since they are not renewable**
- B. Solar energy is more efficient and renewable than fossil fuels
- C. Fossil fuels are better than solar energy as they are renewable
- D. Solar energy is preferable to fossil fuels because it can be renewed.

Cấu trúc so sánh: **A is better than B because...**

Yếu tố "renewable" là điểm so sánh chính → fossil fuels *không* renewable.

A sử dụng cấu trúc so sánh ngược: *Fossil fuels are not as good as solar energy since they are not renewable* → tương đương về nghĩa. → **Đáp án: A**

B thêm thông tin "more efficient" → sai vì câu gốc không đề cập hiệu suất.

C và D đảo ý, gây sai logic.

**Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.**

**Question 27.** *If we/ able/ collect solar energy/ we/ be sure/ have enough power.*

- A. If we are able to collect solar energy, we will sure to have enough power.
- B. If we are able to collect solar energy, we will be sure to have enough power.**
- C. If we are able to collect, we will be able to solar energy
- D. If we are able to collect solar energy, we will be sure to have enough power.

Cấu trúc câu điều kiện loại 1: **If + S + V (hiện tại), S + will + V.**

"be sure" cần giữ nguyên dạng chuẩn: *will be sure to have....*

**B** đáp ứng đủ điều kiện ngữ pháp: *If we are able to collect solar energy, we will be sure to have enough power.* → **Đáp án: B**

**A** sai vì thiếu "be" trước "sure".

**C** sai ngữ pháp, đảo vị trí thành phần.

**D** sai vì dùng thì hiện tại đơn ở mệnh đề sau thay vì *will be sure*.

**Question 28.** *Almost all our energy/ come/ oil/ gas/ natural gas.*

- A. Almost all our energy are coming from oil, gas and natural gas
- B. Almost all our energy come from oil, gas and natural gas.
- C. Almost all our energy comes from oil, gas and natural gas.**
- D. Almost all our energy came from oil, and gas.

Chủ ngữ "energy" là danh từ không đếm được → động từ ở số ít: *comes*.

**C** đúng: *Almost all our energy comes from oil, gas and natural gas.* → **Đáp án: C**

**A** sai thì (are coming).

**B** sai chia động từ (come → cần "comes").

**D** sai thì (came) và thiếu thành phần "natural gas".

*Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.*

**Question 29:** What does the notice say?



- A. You can buy burgers and fries today only.
- B. Fries and burgers are free today only.
- C. If you buy a burger today you will get fries for free.**
- D. Every burger is served with fries in this restaurant

Nếu mua 1 burger hôm nay sẽ được free fries → **C. If you buy a burger today you will get chips for free**

**Question 30:** What is the main offer of this Happy Hour promotion?



- A. Free coffee
- B. A free slice of cake with coffee purchase
- C. Discounted cupcakes
- D. Half-price cake

“Happy Hour promotion” → Coffee + free cake slice → **B. A free slice of cake with coffee purchase**

*Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 31 to 36.*

Twenty years ago, you needed to bring along air tickets, vouchers, travel cheques, and a heavy carry-on bag with Walkman, CDs, travel journal and etc. The load is so much lighter now since most **stuff** can be stored in our tablets or smartphones. Technology is amazing isn't it?

Airport security was a brief back then. They used metal cutleries and gave all passengers bags of toiletries to keep them comfortable during the flight. Now, there are many limitations on things that we can and cannot bring on board. Thanks to "Everyone can fly" tagline, airlines had to reduce their services to stay afloat. So more people can fly and travel now.

Two decades ago, if you wish to call home, you can only do it at an International Telecommunications Exchange and dial you home number with no guarantee that it will get through. These days, all we need to stop by upon arrival is a local SIM card **available** as you walk out of the departure hall. The Internet makes it easy for you to Skype, Facetime your family just to inform them that you have arrived safely.

**Question 31.** What is the main idea of the passage?

- A. Travelling in the past and now
- B. Travelling now
- C. Travelling in the past
- D. Travelling tomorrow.

Đoạn văn so sánh việc du lịch 20 năm trước và bây giờ (hành lý, an ninh sân bay, liên lạc...).

Đáp án đúng: A. Travelling in the past and now.

**Question 32.** The number of travellers is \_\_\_\_\_.

- A. The same as in the past
- B. lower now than in the past
- C. Higher now than in the past
- D. high now than in the past

Đoạn 2 có câu: So more people can fly and travel now. → nghĩa là nhiều người đi du lịch hơn bây giờ.

Đáp án: C. Higher now than in the past.

**Question 33.** What is one important thing to bring along in your trip now?

- A. travel cheques
- B. your smartphone
- C. Travel journal
- D. Travel car

Đoạn 1: most stuff can be stored in our tablets or smartphones. → smartphone là quan trọng nhất hiện nay.

Đáp án: B. your smartphone.

**Question 34.** Which of the following statement is NOT TRUE according to the passage?

- A. The load that need bringing is now lighter than in the past.
- B. Metal cutleries are used to keep comfortable.
- C. Skype and Facetime are useful for keeping contact with your family.
- D. In these days, you still only make a call to home at International Telecommunications Exchange.

D: Sai vì bây giờ không còn chỉ gọi ở International Telecommunications Exchange nữa → đây chính là câu KHÔNG ĐÚNG với hiện tại.

Hỏi “NOT TRUE” → Đáp án: D.

**Question 35.** The word “**stuff**” is CLOSEST in meaning to \_\_\_\_\_.

- A. service
- B. airlines
- C. object
- D. store

“stuff” trong ngữ cảnh “...most stuff can be stored in our tablets or smartphones” → nghĩa là đồ đạc, vật dụng.

Đáp án: C. object.

**Question 36.** The word “**available**” is OPPOSITE in meaning to \_\_\_\_\_.

- A. abundant
- B. rare
- C. existing
- D. easy

“available” nghĩa là “có sẵn”.

Từ trái nghĩa (opposite) → rare = hiếm.

Đáp án: B. rare.

### Tạm dịch bài đọc

Hai mươi năm trước, bạn cần mang theo vé máy bay, phiếu mua hàng, séc du lịch và một chiếc túi xách tay nặng trĩu chứa máy nghe nhạc Walkman, đĩa CD, nhật ký du lịch, v.v. Giờ đây, hành lý đã nhẹ nhàng hơn rất nhiều vì hầu hết đồ đạc đều có thể được lưu trữ trong máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh. Công nghệ thật tuyệt vời phải không?

An ninh sân bay thời đó rất đơn giản. Họ sử dụng dao kéo kim loại và phát cho tất cả hành khách những túi đồ vệ sinh cá nhân để họ thoải mái trong suốt chuyến bay. Giờ đây, có rất nhiều hạn chế về những thứ chúng ta có thể và không thể mang lên máy bay. Nhờ khẩu hiệu "Ai cũng có thể bay", các hãng hàng không đã phải giảm dịch vụ để duy trì hoạt động. Vì vậy, ngày càng có nhiều người có thể bay và du lịch.

Hai thập kỷ trước, nếu bạn muốn gọi điện về nhà, bạn chỉ có thể thực hiện tại một Tổng đài Viễn thông Quốc tế và gọi đến số điện thoại nhà mà không có gì đảm bảo rằng cuộc gọi sẽ được kết nối. Ngày nay, tất cả những gì chúng ta cần khi đến nơi là một thẻ SIM địa phương có sẵn khi bạn bước ra khỏi sảnh khởi hành. Internet giúp bạn dễ dàng gọi Skype, Facetime cho gia đình chỉ để thông báo cho họ biết rằng bạn đã đến nơi an toàn.

*Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 37 to 40.*

### The autonomous car

It is the most spectacular revolution. Tomorrow, (37) \_\_\_\_\_. “This development will be in stages: we start without feet and then do without hands and eventually without eyes,” says Pascal Brier.

(38) \_\_\_\_\_. Cruise control has existed several years: (39) \_\_\_\_\_. And some cars now offer driver assistance systems that make it possible to remove the hands from the wheel in specific situations such in traffic jams, or when parking, etc.

The next step? (40) \_\_\_\_\_. Engineers are working to replace human eyes with a multitude of cameras, sensors and lasers that will reproduce the environment in 3D and allow the vehicle to make navigation decisions alone.

- A. Drivers can set a cruising speed and remove their feet from the pedals.
- B. Cars will be able to do without their drivers.
- C. 100% autonomy
- D. The first two stages have already been completed.

**Question 37 B**

**Question 38 D**

**Question 39 A**

**Question 40 C**

### **Tạm dịch bài đọc**

#### **Xe tự lái**

Đây là cuộc cách mạng ngoạn mục nhất. Ngày mai, ô tô sẽ có thể hoạt động mà không cần người lái. "Sự phát triển này sẽ được thực hiện theo từng giai đoạn: chúng ta bắt đầu không cần chân, sau đó là không cần tay và cuối cùng là không cần mắt", Pascal Brier nói.

Hai giai đoạn đầu tiên đã hoàn thành. Hệ thống kiểm soát hành trình đã tồn tại được vài năm: Người lái có thể cài đặt tốc độ di chuyển và nhắc chân khỏi bàn đạp. Và một số xe hơi hiện nay còn cung cấp hệ thống hỗ trợ người lái cho phép người lái rời tay khỏi vô lăng trong những tình huống cụ thể như kẹt xe, hoặc khi đỗ xe, v.v.

Bước tiếp theo? Tự động 100%. Các kỹ sư đang nỗ lực thay thế mắt người bằng vô số camera, cảm biến và tia laser, những công nghệ sẽ tái tạo môi trường 3D và cho phép xe tự đưa ra quyết định điều hướng.

Các bộ đề thi HK form 2026 được biên soạn bởi ban biên soạn của bên mình. Tài liệu chỉ được phân phối ở 2 Zalo: T.Phương và Nguyễn Vân. Bên mình không ủy quyền cho bất kỳ website, facebook hay cá nhân nào đăng bán. Rất mong quý Thầy Cô ủng hộ sản phẩm chính chủ bằng cách chỉ mua ở 2 Zalo T. Phương 0327809217 và Nguyễn Vân 0905479734 để nhận được tài liệu đầy đủ, chính xác nhất, kèm ưu đãi, có các bộ đề thi GHK1, HK1, GHK2, HK2. Xin chân thành cảm ơn!